CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG TY MIREX GIAI ĐOẠN 2013 – 2022 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT 2023-2024

I. Các hoạt động chính giai đoạn 2014 – 2022

- **Hoạt động chung Công ty Mirex:**

+ Công ty không tổ chức được họp ĐHCĐ thường niên giai đoạn này. HĐQT cũng chỉ họp được 3 lần giai đoạn 2014 - 2018.

+ Về sản xuất, kinh doanh không có bước đột phá. Tuy nhiên, Công ty Mirex đã được Nhà nước giao chủ trì Dự án KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2014-2020: *"Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xốp và nghiên cứu sử dụng sắt xốp để luyện một số thép hợp kim phục vụ kinh tế và quốc phòng"*. Mục tiêu chính của Dự án KHCN là hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xốp đã đầu tư của Công ty Mirex, qua đó đánh giá tính đúng đắn của công nghệ trong việc sản xuất thép chất lượng cao từ sắt xốp để phục vụ mục tiêu kinh tế và quốc phòng.

+ Công tác quản trị Công ty Mirex giai đoạn này chủ yếu xoay quanh mục tiêu nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của Dự án KHCN. Công ty Mirex triển khai thành công dự án KHCN cấp quốc gia gồm 10 đề tài KHCN và 01 Dự án sản xuất thử nghiệm. Dự án triển khai từ 2014 – 2020, đã nghiệm thu hoàn thành. Thông qua dự án, Công ty Mirex đã giải mã được công nghệ sản xuất sắt xốp, nâng cấp – bảo dưỡng được dây chuyền sản xuất. Từ sắt xốp đã sản xuất được thép cung cấp thử nghiệm cho CNQP, bột sắt thương mại.

+ Mỏ Bản Nùng – Bản Luộc: bị dừng do hết hạn giấy phép từ tháng 2/2015. Đến tháng 2/2020 được tái cấp giấy phép, trữ lượng khai thác trên giấy phép là 127.000 tấn (giấy phép cũ là 500.000 tấn) trên diện tích khai thác là 3,1 ha (giấy phép cũ là 9,2 ha).

+ Các Mỏ quặng sắt khác: được TTCP quy hoạch cho sử dụng hầu hết quặng sắt tại các Mỏ quặng sắt có trong quy hoạch tại Cao Bằng và Bắc Kạn giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2030. Tuy nhiên, Công ty Mirex mới xin thăm dò khảo sát được Mỏ quặng sắt Lũng Viền, Ngân Sơn, Bắc Kạn (triển khai từ năm 2014, trữ lượng 127.000 tấn quặng không từ). Hiện tại đang trong quá trình xin cấp phép khai thác (triển khai từ 2020).

+ Sau giai đoạn thực hiện Dự án KHCN, Công ty Mirex khẳng định đã ổn định được công nghệ và dây chuyền sản xuất sắt xốp lò đứng 100.000 tấn/năm. Đồng thời cũng làm chủ công nghệ sản xuất sắt xốp lò bằng (công nghệ lò BT). Công nghệ lò bằng cho phép sản xuất sắt xốp ở quy mô nhỏ, nhưng vẫn đảm bảo giá thành cạnh tranh. Từ 2021 đến nay, Công ty Mirex chỉ duy trì sản xuất sắt xốp theo công nghệ lò BT, công suất 500 – 1000 tấn/năm.

+ Công ty Mirex vẫn bám sát chương trình hợp tác sản xuất với CNQP theo *"Nghị quyết số 06-NQ/TW về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo."*, và *"Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 26-1-2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo."*, trên tinh thần: "Công ty Mirex là một thành phần trong chuỗi sản xuất CNQP".

+ Công ty Mirex cũng đang kết hợp với một số chuyên gia luyện kim và nhà máy Z115 làm chủ công nghệ đúc chi tiết thép đặc biệt. Công ty Mirex cũng đã làm chủ công nghệ sản xuất thép nguyên liệu chất lượng cao tiêu chuẩn quân sự (cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Z127).

- **Hoạt động Nhà máy sản xuất sắt xốp và thép hợp kim Mirex Cao Bằng**:

  + Giai đoạn 2014 – 2020: Nhà máy chủ yếu thực hiện Dự án KHCN cấp Quốc gia. Nâng cấp và sản xuất lò hoàn nguyên lớn (dây chuyền chính) được 02 đợt (4-8/2014 và 8-10/2015), sản xuất được trên 7.000 tấn sắt xốp theo Dự án KHCN.

  + Trong giai đoạn 2014 – 2020: đã sản xuất được bột sắt và đúc thép chất lượng cao từ sắt xốp phục vụ CNQP trên dây chuyền bán công nghiệp (quy mô ~ 1.000 tấn sản phẩm/năm) được đầu tư từ Dự án KHCN. Hiện nay, nhà máy vẫn sản xuất thương mại trên hệ thống dây chuyền bán công nghiệp này. Các sản phẩm CNQP giai đoạn này ở dạng sản phẩm KHCN và sản xuất chế thử, chào hàng.

  + Trong giai đoạn 2020 – 2022: sản phẩm bột sắt 86 và 94 đã thương mại hóa ở quy mô trung bình 30-50 tấn/tháng. Thép nguyên liệu C25 phục vụ đúc vũ khí và thép đúc vỏ đạn cối đã thương mại hóa được các lô nhỏ với Z127, Z115 thuộc tổng cục CNQP. Đang trong quá trình chứng minh năng lực để sản xuất lớn. Việc chứng minh năng lực cũng là một phần để tiến đến là một phần trong chuỗi sản xuất CNQP.

  + Các thiết bị chính, nhà xưởng, văn phòng, khu nội trú vẫn được tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

  + Quan hệ giữa nhà máy và chính quyền, nhân dân địa phương được cải thiện tích cực.

- **Hoạt động Mỏ sắt Bản Nùng – Bản Luộc giai đoạn 2014 – 2022:**
  + Mỏ hết hạn giấy phép 2/2015.
  + Xin cấp giấy phép mới thực hiện từ tháng 11/2014 (thăm dò, đánh giá lại trữ lượng Mỏ) đến tháng 2/2020. Giấy phép khai thác mới được UBND Tỉnh Cao Bằng cấp tháng 2/2020.
  + Đến tháng 12/2022, Mỏ chưa được phép khai thác chính thức vì đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục về DTM, cắt tầng đưa Mỏ về trạng thái an toàn theo yêu cầu của UBND Tỉnh Cao Bằng. Hiện trạng GPMB mới đạt 50%.

II. Báo cáo thực hiện Dự án KHCN cấp quốc gia giai đoạn 2014-2020

Trong giai đoạn 2014 – 2019, Công ty Mirex đã thực hiện thành công Dự án khoa học công nghệ (KHCN) cấp quốc gia: "Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xốp và nghiên cứu sử dụng sắt xốp để luyện một số thép hợp kim phục vụ kinh tế và quốc phòng". Dự án bao gồm 10 đề tài và 01 dự án sản xuất thử nghiệm đã được 11 hội đồng cấp quốc gia nghiệm thu, đánh giá cao

Các thành tựu chính của Dự án là:

1. Công ty Mirex đã sản xuất được trên 7.000 tấn sắt xốp chất lượng cao, hàm lượng tổng sắt từ 90% đến 94%, hàm lượng S,P từ 0,02% đến 0,05%, tương đương tiêu chuẩn cao nhất của thế giới. Từ 7.000 tấn sắt xốp này, Công ty Mirex đã sản xuất được 5.000 tấn bột sắt xốp và từ 5.000 tấn bột sắt xốp đã sản xuất được 2.500 tấn bột sắt kỹ thuật. Các sản phẩm trên đã được cung cấp ra thị trường và đang từng bước thay thế được sản phẩm nhập khẩu. Thực tế này khẳng định, Việt Nam đã làm chủ được công nghệ sản xuất sắt xốp và bột sắt kỹ thuật ở quy mô công

nghiệp từ than và quặng trong nước. Chất lượng sản phẩm và giá thành có thể cạnh tranh được với sản phẩm nhập khẩu.

2. . Trong Dự án KHCN có 04 đề tài nghiên cứu sử dụng sắt xốp để luyện một số thép hợp kim phục vụ kinh tế và quốc phòng. Trong số đó có đề tài nghiên cứu sản xuất thực nghiệm ngay trên dây chuyền công nghiệp của nhà máy Z127, thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (TCCNQP). Sản phẩm của các đề tài (thép cacbon C30-C60, thép mangan cao, thép 30CrMnSi, thép 38CrNi3moVA) đều đạt tiêu chuẩn TCVN và tiêu chuẩn quân sự, được hội đồng nghiệm thu đánh giá

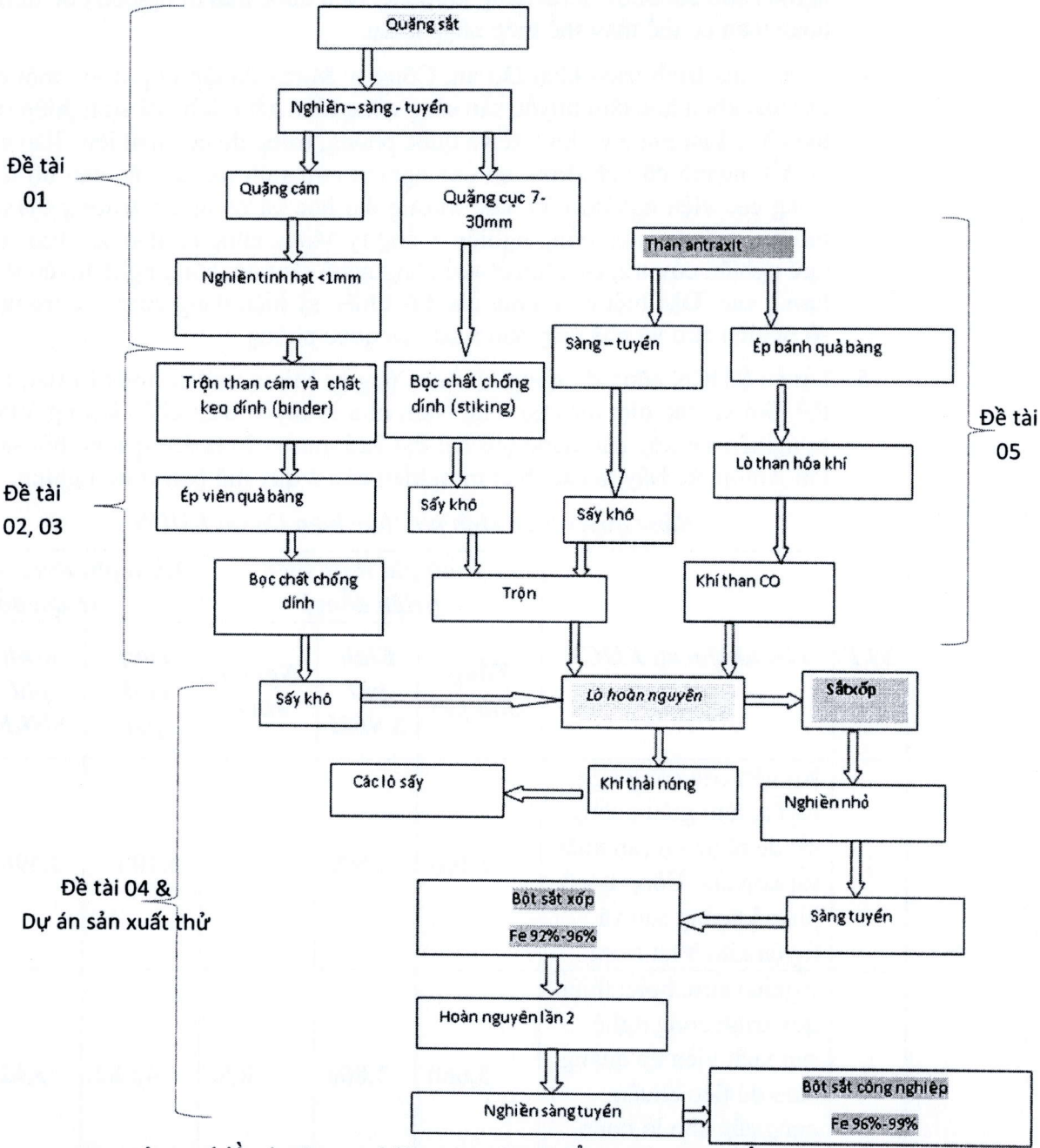

cao, mở ra nhiều hướng nghiên cứu phát triển. Các sản phẩm nói trên đã được Công ty Mirex sản xuất ở quy mô nhỏ và cung cấp ra thị trường, trong đó có cả các nhà máy Z thuộc TCCNQP. Điều này khẳng định, Công ty Mirex đã sử dụng được sắt xốp để luyện thép hợp kim. Việt Nam hoàn toàn đủ khả năng nội địa hóa thép chất lượng cao phục vụ ngành cơ khí chế tạo và an ninh quốc phòng.

3. Bên cạnh các sản phẩm đã đăng ký của Dự án KHCN, Công ty Mirex cũng nghiên cứu sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm CNQP, dân sinh đang có nhu cầu như: (1) thép S10C-M tương đương thép S10C của Hàn Quốc đang được TCCNQP sử dụng để nghiên cứu sản xuất đạn hải quân; (2) thép nguyên liệu C20–M, thép có hàm lượng C,S,P siêu thấp, thép được sử dụng làm nguyên liệu luyện, đúc thép đặc biệt (trong đó có thép sản xuất vũ khí); (3) đúc vỏ đạn cối, loại đạn đang được TCCNQP nghiên cứu tăng hiệu quả trong chiến đấu; (4) thép ghép đồng, thép được sử dụng để sản xuất đạn con; (5) thép cường độ cao, loại thép đang phổ biến trên thế giới thay thế thép xây dựng thông thường trong bê tông cốt thép. Kết quả nghiên cứu đạt được là rất đáng khích lệ. Nếu được đầu tư nghiên cứu đúng mức, hoàn toàn có thể thay thế thép nhập khẩu.

4. Trong qua trình triển khai Dự án, Công ty Mirex đã tập hợp được một đội ngũ các nhà khoa học tâm huyết, sẵn sàng cống hiến hết mình với sự nghiệp sản xuất thép hợp kim phục vụ kinh tế và quốc phòng, trong đó có cả nhiều Giáo sư, Tiến sỹ đầu ngành đã nghỉ hưu, có các nghiên cứu sinh trẻ, có các cán bộ làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường đại học và có người trưởng thành trong môi trường sản xuất công nghiệp. Công ty Mirex cũng đã đào tạo được một đội ngũ nghiên cứu trẻ, tâm huyết với công nghệ sắt xốp, công nghệ luyện thép chất lượng cao. Đặc biệt có những cán bộ, chiến sỹ hiện đang công tác trong các cơ sở nghiên cứu và nhà máy sản xuất của quốc phòng.

5. Dự án KHCN cũng đã trang bị cho Công ty Mirex một số thiết bị tiên tiến trên thế giới và đặc biệt mới tại Việt Nam như lò luyện thép chân không VIM, thiết bị nghiền sắt xốp cận nano (cỡ hạt đạt 325 mesh), lò hoàn nguyên bột sắt H2 từ khí Amoniac. Đây là các thiết bị nghiên cứu ở quy mô bán công nghiệp.

Bảng quyết toán kinh phí thực hiện Dự án KHCN

STT	***Tên nhiệm vụ KHCN***	***Kinh phí thực hiện (triệu đồng)***			***Kinh phí thực tế thực hiện (triệu đồng)***		
		Tổng kinh phí	***Kinh phí SNKH***	***Nguồn khác***	***Tổng kinh phí***	***Kinh phí SNKH***	***Nguồn khác***
1	Nghiên cứu công nghệ tuyển, làm giàu quặng sắt để phục vụ sản xuất sắt xốp cho Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim Việt Nam	5,100	3,500	1,600	5,100	3,496	1,624
2	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên ép quặng cám đủ tiêu chuẩn cung cấp cho lò hoàn nguyên	5,660	3,860	1,800	4,082	3,427	655

STT	Tên nhiệm vụ KHCN	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Kinh phí thực tế thực hiện (triệu đồng)		
		Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác	Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác
3	Nghiên cứu công nghệ sản xuất keo và chất chống dính theo tiêu chuẩn cho lò hoàn nguyên sắt xốp	7,505	5,305	2,200	4,443	3,563	880
4	Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng mô hình pilot lò thử nghiệm để xác định các thông số công nghệ cho lò hoàn nguyên kiểu đứng	5,490	3,890	1,600	4,466	3,804	662
5	Nghiên cứu cải tiến lò than hóa khí thông dụng thành lò có nhiệt độ và áp suất lớn đáp ứng yêu cầu đặc thù sản xuất sắt xốp	4,500	3,200	1,300	4,534	3,186	1,348
6	Nghiên cứu công nghệ ép đóng bánh sắt xốp làm nguyên liệu cho các lò luyện thép	3,250	2,150	1,100	3,279	2,149	1,130
7	Nghiên cứu công nghệ luyện và đúc thép mangan cao từ sắt xốp để chế tạo búa nghiền quặng sắt và sắt xốp	7,690	4,610	3,080	5,293	3,193	2,100
8	Nghiên cứu công nghệ luyện và đúc phôi thép cácbon mác từ C30 đến C60 sử dụng sắt xốp trong lò điện	8,550	6,450	2,100	6,026	3,919	2,107
9	Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép hợp kim thấp độ bền cao, mác 30CrMnSi từ sắt xốp bằng lò điện	7,060	5,010	2,050	8,579	6,766	1,813
10	Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép hợp kim cao và hợp kim đặc	10,250	7,200	3,050	8,243	7,012	1,231

STT	Tên nhiệm vụ KHCN	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Kinh phí thực tế thực hiện (triệu đồng)		
		Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác	Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác
	biệt mác 38CrNi3MoVA từ sắt xốp						
11	Hoàn thiện dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất 3 loại sắt xốp đáp ứng yêu cầu công nghiệp luyện kim, thay thế nguyên liệu nhập khẩu và phục vụ xuất khẩu	171,950	26,950	145,000	31,171	31,017	186,517
12	Chi phí hoạt động chung của Dự án KH&CN	800	800	0	756	722	34

III. Đề xuất kế hoạch 2023 – 2024, tầm nhìn 2028

1. Mục tiêu tầm nhìn 2028:

- Nâng giá trị tài sản công ty lên tối đa giai đoạn đến 2028:
  - Mỏ sắt tại Cao Bằng, Bắc Kạn: 3 triệu tấn.
  - Nhà máy tại Cao Bằng, Bắc Kạn: tổng giá trị tài sản (có tính thanh khoản) từ 300 – 500 tỷ.
  - Doanh thu trung bình: 50 tỷ/năm. Sau 2027, doanh thu trung bình: 300 tỷ/năm.
- Trả nợ khoản vay Pvcombank theo lộ trình được Pvcombank phê duyệt.
- Là công ty dẫn đầu trong lĩnh vực: Sắt xốp, Bột sắt, Thép nguyên liệu, thép đúc CNQP. Công ty Mirex trở thành Doanh nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng, một mắt xích trong chuỗi sản xuất CNQP. Công ty Mirex được hỗ trợ cơ chế xin Mỏ, thuê đất từ CNQP.
- Từng bước hoạt động đúng mô hình Công ty cổ phần trên sàn Upcom và tiến tới niêm yết trên sàn chứng khoán.

2. Tái cơ cấu tổ chức:

- Tái cơ cấu cổ đông: thu gọn các cổ đông nhỏ lẻ như CB CNV Mirex (nhóm dùng cổ phần để trả lương), CB CNV Sông Đà 7.
- Tái cơ cấu HĐQT và Ban Giám đốc: thu gọn HĐQT xuống 5 thành viên. Đề xuất Pvcombank cử đại diện nắm các vị trí chủ chốt.

3. Tái cơ cấu công nợ:

- Công nợ với Nhà nước: giảm dần từ nguồn thu sản xuất kinh doanh hoặc từ tăng vốn (cổ đông mới).

- BHXH Hà Nội: 1,2 tỷ.
- BHXH Cao Bằng (Chi Nhánh): 6,8 tỷ, trả theo lộ trình.
- Phạt UBCK: ~ 0,5 tỷ.

- Công nợ PVcombank:
  - Thanh lý các tài sản có tính thanh khoản và giá trị cao (ví dụ: dàn ô-tô Huyndai).
  - Trả theo phương án sản xuất kinh doanh được Pvcombank phê duyệt.
- Công nợ với các doanh nghiệp khác:
  - Công nợ từ hợp tác xin Mỏ (DN Phương Tân): trả theo cam kết trong quá trình khai thác Mỏ.
  - Công nợ khác: trả theo hàng năm (cuối năm).
  - Chuyển khoản vay sang vốn góp.
- Công nợ với Cá nhân:
  - Trả theo hàng năm (cuối năm).
  - Chuyển khoản vay sang vốn góp.

4. Sản xuất giai đoạn: 2022 – 2024:

- **Xét trên nội lực Công ty Mirex:** sản xuất ở quy mô đơn giản nhất (gần như không đầu tư mới).

  ➔ **Mục tiêu chính giai đoạn này**: làm thương hiệu, thị trường, đưa Nhà máy vào chuỗi sản xuất CNQP. Trên cơ sở đó: phục vụ cho việc xin Mỏ, nâng cao giá trị Nhà máy, mở rộng sản xuất – kinh doanh giai đoạn sau.

  ➔ **Dự kiến:**

  - Nhà máy sắt xốp Cao Bằng:
    - Sản xuất Sắt xốp – Bột sắt: duy trì sản xuất, nâng dần quy mô sản xuất sắt xốp lên 500 tấn/tháng.
    - Đúc thép:
      - Chiếm 70% thị trường búa nghiền trên Cao Bằng, Bắc Kạn.
      - Đảm bảo các đơn hàng thép sạch cho Z127: 50 – 200 tấn/năm.
      - Thực hiện đúc phôi đạn cối thế hệ mới (Z115):
        - Năm 2022: 1.000 – 5.000 quả/năm,
        - Năm 2023 – 2025: 6.000 – 10.000 quả/năm
        - Sau 2025: 10.000 – 20.000 quả/năm.
    - Tài chính:
      - Doanh thu: 6 – 8 tỷ/tháng.
      - Đầu tư thiết bị bổ xung: 3 - 5 tỷ.
      - Nhu cầu vốn lưu động: 2 – 3 tỷ.
    - Các hoạt động khác: nghiền thuê, kho bãi.v.v.
  - Khai thác Mỏ sắt Bản Luộc:
    - Khai thác đạt công suất thiết kế 2000 tấn/tháng: từ quý I/2023.
      - Chi phí khai thác tối đa: 1.500.000 đồng/tấn (đã bao gồm các loại thuế phí).
      - Lợi nhuận đảm bảo tối thiểu: 30% chi phí khai thác.

  ⇨ *Làm việc với đơn vị tổng thầu, có biện pháp đảm bảo: (1) An toàn (khai thác theo kỹ thuật Mirex đưa ra); (2) Kiểm soát quặng sau khai*

thác (trực tiếp và gián tiếp); (3) Đảm bảo doanh thu, lợi nhuận hàng tháng;

- Xin thăm dò – khảo sát mở rộng Mỏ, nâng cấp trữ lượng Mỏ: bổ sung thêm 100.000 – 200.000 tấn.

- Mỏ sắt Lũng Viền: khai thác trong quý IV/2024.
- Xin thăm dò, khai thác Mỏ mới:
  - Tại Cao Bằng: ~ 1 triệu tấn quặng. Xin theo phương án như Mỏ Lũng Viền *(1. Xin chủ trương khảo sát sơ bộ, tự bỏ kinh phí ➔ 2. Xin thăm dò – khảo sát chính thức ➔ 3. Xin cấp phép).*
  - Tại Bắc Kạn: ~ 2 triệu tấn quặng. Xin theo quy hoạch sử dụng quặng sắt của TTg và kết hợp xin vùng nguyên liệu cho Nhà máy sắt xốp và đúc thép đặc biệt Mirex Bắc Kạn (xem mục 6).

- **Xét trên phương án tìm kiếm hợp tác đầu tư:**
  - Tìm kiếm hợp tác đầu tư: sản xuất gang hoặc quặng vê viên. Mục đích tận dụng tối đa nguồn quặng (sử dụng cả các quặng kém) và hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích đầu tư theo quy hoạch (tránh việc bán quặng, không chế biến sâu).
  - Công suất: 1.000 đến 30.000 tấn sản phẩm/năm.

5. Định hướng giai đoạn 2025 – 2030

- Phương án sản xuất: công suất 50.000 tấn/ năm.
  - Nguyên liệu: ngắn hạn từ các Mỏ nhỏ lẻ, dài hạn (sau 2030) xin chia sẻ 2 triệu tấn quặng sắt từ Mỏ Nà Rụa.
  - Công nghệ (lò đứng hay lò bằng hoặc cả 2): linh hoạt theo nguồn nguyên liệu được cấp.
  - Doanh thu: 500 tỷ/năm, lợi nhuận ròng: 10%.
- Mỏ: cuối năm 2025 có chủ quyền cấp phép thăm dò ~ 3 triệu tấn.
  - Khai thác đạt: 200.000 tấn/năm.
  - Doanh thu: 200 tỷ/năm, lợi nhuận ròng: 20%.

6. Xây Nhà máy sắt xốp và đúc thép đặc biệt (mục đích xin cấp Mỏ tại Bắc Kạn & nhà máy phục vụ CNQP).

- Khu CN Quảng Chu 1 – Bắc Kạn: 20 ha.
- Sản phẩm: định hướng trực tiếp cho CNQP.
- Thời gian đầu tư: giai đoạn 1 (2022 – 2025) & giai đoạn 2 (2025 – 2028).
- Quy mô: 10.000 tấn/năm, một phần thiết bị chính & phụ trợ sử dụng thiết bị sẵn có trên Cao Bằng.
- Tổng mức đầu tư: 100 - 200 tỷ (đầu tư mới 30 - 50 tỷ).

7. Một số định hướng khác

- Tham gia thị trường đất hiếm trên Cao Bằng.
- Kết hợp với CNQP xin một số Mỏ khác (ngoài sắt) tại Cao Bằng và Bắc Kạn.

IV. Kết luận

+ Công tác quản trị giai đoạn 2014-2022 kém, cần cải tổ - thay đổi. Đặc biệt mảng tài chính, kinh doanh và pháp chế.

+ Giải pháp kinh doanh: làm từ quy mô nhỏ lên lớn. Cần có giải pháp vốn lưu động, giải pháp tái cơ cấu công nợ.

+ Công tác quản trị và kinh doanh cần phối hợp toàn diện, chặt chẽ với Pvcombank. Đảm bảo mục tiêu kép trả nợ vốn vay và phục hồi, phát triển Công ty Mirex.

+ Tập trung phát triển vùng nguyên liệu.

+ Mở rộng hợp tác đầu tư để tận dụng được hạ tầng nhà máy, thương hiệu Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN XUÂN LIÊU